

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 06/03/2018

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bằng

2. Ông Phạm Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018, về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Ngọc M, sinh năm 1979; Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh H. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Thanh S, sinh năm 1976; Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh H. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Phạm Thị Thanh T; Trú tại: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 11/12/2017, các lời khai trong quá trình tố tụng

và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Ngọc M trình bày:

Chị và anh Phạm Thanh S chung sống với nhau vào năm 1996, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị M và anh S chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không còn tin yêu nhau, anh S sống không chung thủy, từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Vợ chồng cũng chính thức ly thân từ tháng 6/2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: có 02 con chung là Phạm Đạt Công P, sinh năm: 1997 đã trưởng thành và Phạm Hồng G, sinh ngày 21/02/2009, hiện tại chị M đang nuôi cháu G.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 và 01 chiếc xe máy.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị M thừa nhận có nợ Ngân hàng 30.000.000 đồng nhưng không biết ngân hàng nào và địa chỉ ở đâu, hàng tháng chị trả nợ thông qua bưu điện và nợ chị Phạm Thị Thanh T khoảng 30.000.0000 đồng tiền hội, ngoài ra vợ chồng không có nợ chung nào khác.

Nay chị M yêu cầu được ly hôn với anh S; Về con chung: cháu Phạm Đạt Công P, sinh năm: 1997 đã trưởng thành, nên không yêu cầu, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Hồng G, sinh ngày 21/02/2009 đến khi trưởng thành, chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: chị và anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Nợ ngân hàng và nợ chị Phạm Thị Thanh T chị M tự nguyện trả toàn bộ nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Thanh S trình bày:

Anh thừa nhận về quan hệ hôn nhân; con chung; tài sản chung và nợ chung như chị M trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị M là do anh và chị M không hợp nhau, bất đồng quan điểm, dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 6/2017 đến nay.

Về con chung: có 02 con chung là Phạm Đạt Công P, sinh năm: 1997 đã trưởng thành và Phạm Hồng G, sinh ngày 21/02/2009, hiện tại chị M đang nuôi cháu G.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà cấp 4 và 01 chiếc xe máy.

Về nợ chung: nợ Ngân hàng 30.000.000 đồng do chị M làm thủ tục vay, anh S không biết ngân hàng nào và địa chỉ ở đâu và nợ chị Phạm Thị Thanh T 30.000.0000 đồng tiền hội.

Nay chị M yêu cầu ly hôn anh S cũng thống nhất ly hôn; Về con chung: cháu Phạm Đạt Công P, sinh năm: 1997 đã trưởng thành, nên không yêu cầu, đối với cháu Phạm Hồng G, sinh ngày 21/02/2009 anh S đồng ý để chị M được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: anh và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Nợ ngân hàng và nợ chị Phạm Thị Thanh T anh S đồng ý việc chị M tự nguyện trả toàn bộ nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Thanh T trình bày: Trong năm 2016 và 2017, chị M và anh S có tham

gia 03 dây hụi do chị T làm chủ hụi, chị M và anh S đã hốt hết các phần hụi sống, hiện hụi chưa mãn, nhưng nếu tính theo hụi chết đến khi mãn thì, chị M và anh S nợ chị T tổng cộng 03 dây hụi là 31.000.000 đồng, hàng tháng chị M vẫn đóng hụi chết đầy đủ, nên chị T không yêu cầu chị M và anh S trả nợ trong vụ án này.

Đối với việc chị M và anh S khai về nợ chung: Nợ ngân hàng 30.000.000 đồng, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu chị M và anh S cung cấp rõ tên và địa chỉ của của ngân hàng nhưng chị M và anh S không cung cấp. Do đó không có căn cứ để Tòa án xem xét giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 14, 81 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Ngọc M. Không công nhận chị Trương Ngọc M và anh Phạm Thanh S là vợ chồng; Về con chung: chị M được tiếp tục nuôi cháu G, anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Phần án phí nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Thanh S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Ngọc M và anh Phạm Thanh S chung sống với nhau vào năm 1996, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị không còn tin yêu nhau và bất đồng quan điểm, nên thường xuyên xảy ra cự cãi, dẫn đến việc anh chị đã ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M yêu cầu ly hôn và anh S cũng thống nhất ly hôn. Tuy nhiên chị M và anh S không đăng ký kết hôn, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị M và anh S đều thống nhất có 02 con chung là Phạm Đạt Công P, sinh năm: 1997 đã trưởng thành và Phạm Hồng G, sinh ngày 21/02/2009, hiện tại chị M đang nuôi cháu G và chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G, anh S cũng thống nhất để chị M nuôi con và cháu G cũng có nguyện vọng muốn được sống chung với chị M, nên Hội đồng xét xử ghi nhận

cho chị M được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Hồng G, sinh ngày 21/02/2009 đến lúc trưởng thành (tròn 18 tuổi), anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh S không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết

[5] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị M và anh S thống nhất nợ chị Phạm Thị Thanh T 31.000.000 đồng tiền hui, nhưng chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trương Ngọc M và anh Phạm Thanh S là vợ chồng.

Về con chung: Phạm Đạt Công P, sinh năm: 1997 đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết. Đối với Phạm Hồng G, sinh ngày 21/02/2009, chị Trương Ngọc M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hồng G, sinh ngày 21/02/2009 đến lúc trưởng thành (tròn 18 tuổi), anh S chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh S, không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Do chị Phạm Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Ngọc M phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0014046 ngày 10/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm

yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- UBND xã Đông Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tiến Dũng